

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hùng
- Bà Lê Thị Diễm

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phạm Văn H, sinh năm: 1980, địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* anh Huỳnh Văn S, sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai đề ngày 23-10-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Phạm Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Huỳnh Văn S tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại xã P, T, Tây Ninh. Ngày cưới bên chồng không cho nữ trang. Cưới xong vợ chồng thuê nhà trọ ở tại T, Thành phố Hồ Chí Minh, chị đi làm công, anh S làm thợ hồ, sống được 01 năm vợ chồng về sống chung với cha mẹ chồng, năm 2014 cha mẹ chồng cho đất, vợ chồng xây nhà ở riêng tại P, P, T, Tây Ninh. Vợ chồng sống đến tháng 10 năm 2022 xảy ra mâu

thuần, nguyên nhân vợ chồng sống không phù hợp, anh S có tính nóng nảy thô lỗ, nên hay la lối chửi mắng chị, chị có mở quán bán cà phê, anh ghen tuông nên hay kiểm chuyện chửi mắng, đánh chị bị chấn thương phần mềm, được mọi người can ngăn, chị cũng bỏ qua để sống, sau đó vợ chồng đi P, Trảng B thuê quán ở mua bán thì anh cũng ghen tuông đánh chị mấy lần và đuổi mẹ con chị đi, nên chị bỏ đi Bình Dương thuê nhà trọ ở đi làm thuê từ tháng 4-2023, đến đầu tháng 11 năm 2023 trở về P, P, T thuê nhà ở đến nay, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2023. Thời gian này anh S có gọi điện năn nỉ chị về ở lại, nhưng anh không sửa đổi nên chị không đồng ý, gia đình hai bên không giải quyết. Do vợ chồng không còn tình cảm, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh S.

- Về con chung: có 02 cháu là Huỳnh Phú L, sinh ngày 29-12-2009 và Huỳnh Hà M, sinh ngày 11-4-2013, hiện chị đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con tháng 1.000.000 đồng/cháu, 02 cháu 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành tự lao động sinh sống được.

- Về tài sản chung: có 01 căn nhà tường, mái tole, nền gạch men, diện tích không biết, xây trên đất của cha mẹ chồng, hiện anh S đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngày 25-6-2024 chị có đơn xin vắng mặt, do bận đi làm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác

Bị đơn anh Huỳnh Văn S vắng mặt nên không có ý kiến: Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, dự phiên tòa nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp lời khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt có lý do; bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án làm cho vụ án kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Vân H đối với anh Huỳnh Văn S; về con chung: giao chị H tiếp tục nuôi hai cháu Huỳnh Phú L, sinh ngày 29-12-2009 và Huỳnh Hà M, sinh ngày 11-4-2013, buộc anh S cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị H có đơn xin vắng mặt có lý do; anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị H, anh S tự nguyện cưới nhau vào năm 2009, có tình cảm, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2023.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, nên hay lời qua tiếng lại cãi vã nhau, dẫn đến anh S hay chửi mắng đánh chị H, từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị H dẫn con bỏ đi ở trọ nhiều nơi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 và xin ly hôn. Thời gian này vợ chồng không gặp nhau bàn việc đoàn tụ lại, anh S có gọi điện yêu cầu chị H về ở lại, nhưng chị H không đồng ý. Xét thấy, chị H không còn tin tưởng anh S nữa, nên chị kiên quyết ly hôn. Anh S thì vắng mặt không tham gia hòa giải, không có ý kiến, tức là anh S cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 02 cháu là Huỳnh Phú L, sinh ngày 29-12-2009 và Huỳnh Hà M, sinh ngày 11-4-2013, hiện chị H đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con tháng 1.000.000 đồng/cháu, 02 cháu 2.000.000 đồng/tháng. Anh S không có ý kiến. Xét thấy, chị H đã nuôi các cháu ổn định, khỏe mạnh. Qua xem xét cháu L và cháu M đã trên 7 tuổi, thì các cháu có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ nghỉ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao 02 cháu L, M cho chị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu L, M và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H thì thấy: theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “ Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Mức cấp dưỡng chị H yêu cầu không quá $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở hiện nay là 2.350.000 đồng/tháng nên cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H. Buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, 02 cháu 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: chị H khai có 01 căn nhà tường, mái tole, nền gạch men, xây trên đất của cha mẹ chồng, hiện anh S đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết. Anh S không có ý kiến, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị H khai không có, không yêu cầu; anh S không có ý kiến, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị H chịu 300.000 đồng, anh S chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Vân H đối với anh Huỳnh Văn S. Chị H được ly hôn với anh S.

2. *Về con chung*: giao 02 cháu Huỳnh Phú L, sinh ngày 29-12-2009 và Huỳnh Hà M, sinh ngày 11-4-2013 cho chị Phạm Vân H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Huỳnh Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, 02 cháu 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu L, M đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được.

Anh Huỳnh Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị H không yêu cầu; anh S không có ý kiến, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị H khai không có, không yêu cầu; anh S không có ý kiến, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Phạm Vân H chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm hôn nhân. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0014991 ngày 13-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị H nộp đủ tiền án phí. Anh Huỳnh Văn S chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Chỉ, TX Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An